TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 8 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Đức Kỳ.

2. Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1991 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Tuyết H (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L thành hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh L không quan tâm đến gia đình, chị không còn tình cảm với anh L và đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị xác định có 01 con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 15/02/2012. Hiện tại con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý về yêu cầu của chị H nhưng anh L không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh L tham gia hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Văn L tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị H và anh L thành hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh L, với những nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh L không quan tâm đến gia đình, chị không còn tình cảm với anh L và đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh L không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị H, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho anh. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh L là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H xác định có 01 con chung tên Trần Gia N, sinh ngày 15/02/2012. Hiện tại con đang sống với chị H. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ ngày sống ly thân cho đến nay con do chị H nuôi dưỡng cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, cháu N vẫn còn nhỏ và anh L cũng không có ý kiến yêu cầu được nuôi con nên yêu cầu nuôi con của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Trần Gia N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Tại phiên tòa, chị H xác định có tài sản nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh L không có ý kiến về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu anh, chị không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] *Về nợ thu, nợ trả*: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh L không có ý kiến về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tuyết H.

[1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Tuyết H được ly hôn với anh Trần Văn L.

[2] *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Tuyết H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Gia N, sinh ngày 15/02/2012 và anh Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Tuyết H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003545 ngày 22/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Tuyết H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của anh Trần Văn L là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hiền